TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 209/2025/QĐST-LĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Võ Thị Thu Thảo

***Thư ký phiên họp*:** Ông Thái Vương Triều – Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 328/2025/VLĐ-ST ngày 08 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 170/2025/QĐST-LĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: xóm C, xã Q, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Tổ A, khu phố A, phường B, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: xóm B, xã Q, tỉnh Nghệ An, vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH H1; địa chỉ: số A, khu công nghiệp B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở T; địa chỉ: đường D, khu phố E, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Hoàng Thị B trình bày:* Khoảng tháng 9 năm 2025, bà Hoàng Thị B đi làm thủ tục tại Bảo hiểm xã hội thì được biết bảo hiểm xã hội của bà B bị trùng trong khoảng thời gian từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 3 năm 2010. Nguyên nhân bị trùng bảo hiểm xã hội là do vào khoảng tháng 5 năm 2008 bà Hoàng Thị B có cho bà Nguyễn Thị H mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1, quá trình làm việc bà Nguyễn Thị H được Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL tham gia bảo hiểm xã hội với số sổ bảo hiểm là

7408120821. Vì thiếu hiểu biết, nghĩ rằng việc cho bà Nguyễn Thị H mượn chứng minh nhân dân để ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL là không vi phạm gì và chỉ mong muốn cho bà Nguyễn Thị H có công việc để trang trải cuộc sống. Vì vậy, bà B yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị B với Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL là vô hiệu, bà Hoàng Thị B không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả khi tuyên hợp đồng vô hiệu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:* Bà và bà B có mối quan hệ chị em họ. Khoảng tháng 5 năm 2008, do bà chưa đủ tuổi lao động nên đã mượn chứng minh nhân dân của bà B để xin vào làm việc tại Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL và tham gia đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 3 năm 2010 với số sổ bảo hiểm xã hội là 7408120821. Sau khi kết thúc hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL thì bà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm gì. Nay bà Nguyễn Thị H thống nhất toàn bộ yêu cầu của bà B và đề nghị Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị B với Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL là vô hiệu, bà cũng không yêu cầu gì liên quan đến bảo hiểm trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà B, bà Nguyễn Thị H không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu.

- *Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL trình bày:* Công ty TNHH H1 đã được Tòa án thông báo và tống đạt các văn bản tố tụng để tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định tại các Điều 178; Điều 366; Điều 367; Điều 369 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL đều vắng mặt không rõ lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội trình bày*: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Hoàng Thị B, sinh năm 1985, số CCCD 040185016520, với mã số 7408120821 có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN vào tháng 5/2008 đến tháng 3/2010 tại Công ty TNHH H1 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra, qua tra cứu dữ liệu, BHXH cơ sở Tân Uyên còn phát hiện bà Hoàng Thị B còn có mã số 9106038144 từ tháng 4/2006 đến tháng 6/2024 tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty Cổ phần G và Công ty Cổ phần C. Cùng với đó, bà Hoàng Thị B còn tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 0205256491 từ tháng 5/2005 đến tháng 5/2006 tại Công ty D, Công ty Cổ phần D1 và Công ty Cổ phần D. Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Hoàng Thị B và Công ty TNHH H1, đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty TNHH H1 có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không; về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Hoàng Thị B, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Hoàng Thị B không có ý kiến.

- *Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:* Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Hoàng Thị B là có căn cứ, đề

nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Hoàng Thị B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H và Bảo hiểm xã hội đều có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian tháng 5/2008, người lao động tên Hoàng Thị B giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL và được Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7408120821. Tuy nhiên, bà B và bà H đều thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL và thực tế làm việc tại công ty trong khoảng thời gian tháng 5/2008 đến tháng 02/2010 là bà Nguyễn Thị H (do bà B cho bà H mượn chứng minh nhân dân).

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà B, bà H phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở T. Bởi lẽ, trong khoảng thời gian tháng 5/2008, bà B đang làm việc tại Công ty Cổ phần G và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 9106038144. Như vậy, chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL trong khoảng thời gian tháng 5/2008 là bà Nguyễn Thị H, không phải là bà Hoàng Thị B.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: "*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*". Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*" và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin*

khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...". Do đó, có cơ sở xác định việc bà H mượn hồ sơ cá nhân của bà B để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH là 7408120821 vào tháng 5/2008 tại Công ty TNHH H1 là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị B về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị B với Công ty TNHH H1 – DAEKWANG APPAREL theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408120821 là vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: *"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, chấp nhận yêu cầu của bà Hoàng Thị B và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH H1 APPAREL trong giai đoạn tháng 5/2008 đến tháng 3/2010 là bà Nguyễn Thị H, không phải là bà Hoàng Thị B. Bà B và bà H có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7408120821.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: bà Hoàng Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39;Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Hoàng Thị B.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Hoàng Thị B với Công ty TNHH H1 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408120821) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408120821 không phải là bà Hoàng Thị B, sinh năm 1985, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước

công dân số 040185016520. Bà Hoàng Thị B và bà Nguyễn Thị H được quyền liên hệ với C1 có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7408120821.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Hoàng Thị B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0020191 ngày 26/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Võ Thị Thu Thảo